

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Kinh tế học**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Lê Thanh Hà**

2. Ngày tháng năm sinh: 09/02/1990; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Cẩm Chế - huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 1903 chung cư Rainbow Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 1903 chung cư Rainbow Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0899464808;

E-mail: lethanhha@neu.edu.vn/halethanh.kt@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/2011 đến 08/2013: Giảng viên bộ môn Kinh tế vi mô, Khoa Kinh tế học, Đại học Kinh tế quốc dân.

Từ 09/2013 đến 09/2015: Học chương trình thạc sỹ Chính sách công tại Viện nghiên cứu chính sách công Nhật Bản, Tokyo.

Từ 10/2015 đến 09/2018: Học chương trình tiến sỹ Kinh tế quốc tế tại Viện nghiên cứu chính sách công Nhật Bản, Tokyo.

Từ tháng 9/2018 đến này: Giảng viên bộ môn Kinh tế vi mô, Khoa Kinh tế học, Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên bộ môn Kinh tế vi mô, Khoa Kinh tế học.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế vi mô, Khoa kinh tế học, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: 207 Giải Phóng, Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại cơ quan: 024.36.280.280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 01 tháng 11 năm 2011; số văn bằng: 093161; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 09 năm 2015; số văn bằng: 3154; ngành: Chính sách công (Master of Arts in Public Policy); chuyên ngành: Chính sách công; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản, Nhật Bản (Chương trình thạc sỹ bằng tiếng Anh).

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 09 năm 2018; số văn bằng: 190; ngành: Kinh tế Quốc tế; chuyên ngành: Phân tích chính sách; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản, Nhật Bản (Chương trình thạc sỹ bằng tiếng Anh).

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế học về các vấn đề năng lượng và môi trường**

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng ngày càng lớn tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Các thảm họa thiên nhiên đã và đang gây ra những tác động tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu, và làm cho nền kinh tế toàn cầu trở nên vô cùng bất ổn. Do đó, việc các quốc gia cần cam kết nghiêm ngặt hơn vào các trách nhiệm liên quan tới an ninh năng lượng và môi

trường bền vững, trách nhiệm về dự báo và dự phòng rủi ro trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Dựa theo tính cấp thiết đối với định hướng nghiên cứu này, tôi tập trung vào một số nội dung chủ yếu. Thứ nhất, tôi hướng tới nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới vấn đề an ninh năng lượng ở mức độ quốc gia và toàn cầu. Các yếu tố này có thể là các rủi ro phát sinh trên thị trường tiền điện tử (cryptocurrency); các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu; các hình thức trợ cấp và nhận viện trợ nước ngoài; hay gần đây là rủi ro liên quan tới đại dịch COVID-19 và những ảnh hưởng từ xung đột chính trị giữa các quốc gia trên thế giới. Thứ hai, tôi quan tâm tới các ảnh hưởng hoạt động đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng xanh tới sự bền vững của môi trường toàn cầu. Thứ ba, tôi tập trung phân tích các điều kiện và các yếu tố góp phần thúc đẩy vấn đề an ninh năng lượng và bền vững môi trường tại Việt Nam. Hướng nghiên cứu này sẽ tập trung vào việc nhận diện và phân tích các điều kiện cần thiết để Việt Nam theo đuổi và hoàn thành được các mục tiêu này trong bối cảnh hiện tại.

- Hướng nghiên cứu 2: Kinh tế quốc tế và thương mại quốc tế

Hiện nay, nền kinh tế thế giới đang trở nên phức tạp hơn do sự phát triển của các mạng lưới quan hệ hợp tác quốc tế. Trong hướng nghiên cứu này, tôi tập trung vào một số nội dung chủ yếu như sau. Thứ nhất, các nghiên cứu thuộc nhánh này sẽ xoay quanh việc đánh giá tác động của xung đột và trừng phạt quốc tế khi một quốc gia áp đặt lên một quốc gia khác. Các lệnh trừng phạt này không chỉ gây ra ảnh hưởng tới các quốc gia liên quan mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa tới các quốc gia xung quanh và gây ra hậu quả nghiêm trọng tới nền kinh tế toàn cầu. Thứ hai, đối với lĩnh vực thương mại quốc tế, tôi nghiên cứu quy tắc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do với vai trò là rào cản thương mại, mối quan hệ trong ngắn hạn và dài hạn giữa tỷ giá và cán cân thương mại. Thứ ba, đối với chuỗi giá trị toàn cầu, tôi tập trung nhận diện và phân tích, đánh giá những yếu tố ảnh hưởng tới mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

- Hướng nghiên cứu 3: Tính toán mức độ chuyển số và đánh giá tác động mà chuyển đổi số gây ra

Sự xuất hiện của đại dịch COVID-19 và những hậu quả mà nền kinh tế toàn cầu đang gặp phải đã giúp quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, nhanh chóng hơn và trở thành một công cụ giúp các quốc gia ứng phó và phòng ngừa với những hậu quả mà đại dịch gây ra, đặc biệt khi các quốc gia buộc phải thực thi chính sách đóng cửa và chính sách hạn chế. Trong hướng nghiên cứu này, tôi hướng tới việc xây dựng một khái niệm chính thống về chuyển đổi số nhằm đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các quốc gia. Từ đó, tôi mong muốn xây dựng một chỉ số tốt nhất và phù hợp nhất cho nền kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, tôi cũng đánh tác động của việc số hóa nền kinh tế tới các khía

cạnh khác nhau như vấn đề an ninh năng lượng, vấn đề môi trường bền vững của Việt Nam. Ở quy mô quốc tế, các nghiên cứu về chủ đề này nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng đa chiều của chuyển đổi số (đặc biệt ở khu vực doanh nghiệp và khu vực công) tới vấn đề liên quan tới chính trị và thể chế, môi trường, thương mại và tài chính quốc tế.

- Hướng nghiên cứu 4: Nghiên cứu về hệ thống tài chính tiền tệ và các chính sách vĩ mô (bao gồm chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa)

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007 và những hậu quả mà nó đem lại đã chỉ ra rằng việc đưa khu vực tài chính vào trong các mô hình chuẩn tắc sẽ cung cấp những hàm ý quan trọng cho việc phân tích nguồn gốc biến động chu kỳ kinh doanh. Các nghiên cứu theo hướng này sẽ xoay quanh việc khai thác ý tưởng về sự tồn tại đồng thời của hai vấn đề rủi ro chính sách và lạm phát xu hướng thay đổi trong một mô hình mà doanh nghiệp gặp phải các hạn chế tín dụng. Về mặt phương pháp nghiên cứu, tôi tiến hành xây dựng một mô hình theo trường phái New-Keynes được đặc trưng bởi lạm phát xu hướng thay đổi theo thời gian, hạn chế tài chính, và rủi ro chính sách. Tôi cũng thiết kế mô hình để mô phỏng việc lạm phát xu hướng thay đổi sẽ làm cho ràng buộc tín dụng biến động, sau đó tiến hành ước lượng các tham số trong mô hình sao cho các thời điểm được tính toán từ trong mô hình sẽ trùng khớp với các thời điểm được tính toán từ số liệu thực tế. Mục tiêu quan trọng nhất của hướng nghiên cứu này là đánh giá các hậu quả của việc không nhất quán trong quá trình thực hiện chính sách, các vấn đề rủi ro và bất ổn chính sách, những sai lầm trong việc đưa ra chính sách điều hành của cơ quan quản lý và những hậu quả liên quan. Việc nghiên cứu hướng tới nền kinh tế Việt Nam sẽ giúp đưa ra những khuyến đề khắc phục các hậu quả liên quan tới sai sót và rủi ro chính sách và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tài khóa và tiền tệ.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng): 4 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ Chủ nhiệm đề tài: 01 cấp Nhà nước (đề tài NAFOSTED) và 1 đề tài NCKH cấp trường Đại học Kinh tế quốc dân và tương đương.

+ Thành viên tham gia: 01 đề tài NAFOSTED (cấp nhà nước).

- Đã công bố (số lượng) 65 bài báo khoa học, trong đó 55 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

+ Tham gia biên soạn 01 giáo trình môn học;

+ Tham gia biên soạn 02 sách hướng dẫn cho môn học;

+) Chủ biên 02 cuốn sách tham khảo cho môn học.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

1. **Le Thanh Ha** (2022). Connectedness between nonrenewable and renewable energy consumption, economic growth and CO2 emission in Vietnam: New evidence from a wavelet analysis. Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế - *Renewable Energy* (thuộc ISI – SCIE, Q1), (IF = 8.634), số tháng 08/2022, tập 195, trang 442 – 454, được trích dẫn 15 lần
2. **Ha Thanh Le**, Dung Phuong Hoang, Thang Ngoc Doan, Chuong Hong Pham, Thanh Trung To (2021). Global economic sanctions, global value chains and institutional quality: Empirical evidence from cross-country data. Bài đăng trên tạp chí quốc tế - *Journal of International Trade & Economic Development* (thuộc ISI – SSCI, Q2), (IF = 2.581), số tháng 10/2021, tập 31, số 3, được trích dẫn 12 lần.
3. **Le Thanh Ha**, Tran Thi Lan Huong, To Trung Thanh (2022). Is digitalization a driver to enhance environmental performance? An empirical investigation of European countries
Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế - *Sustainable Production and Consumption* (thuộc ISI – SSCI, Q1), (IF = 8.921), số tháng 06/2022, tập 32, trang 230 – 247, trích dẫn 21 lần
4. **Le Thanh Ha**, To Trung Thanh (2022). Effects of digital public services on trades in green goods: Does institutional quality matter?. Bài đăng trên tạp chí quốc tế - *Journal of Innovation & Knowledge* (thuộc ISI – SSCI, Q1), (IF = 11.219), số tháng 01-03/2022, tập 7, số 1, được trích dẫn 28 lần
5. **Le Thanh Ha**, To Trung Thanh, Doan Ngoc Thang (2020). *Welfare consequences of inconsistent monetary policy implementation in Vietnam*. Bài báo đăng trên tạp chí *Economic Research-Ekonomska Istraživanja* (thuộc Scopus, Q1), (CiteScore = 3.4), số tháng 04/2020, tập 33, số 1, trang 555 – 578 được trích dẫn 3 lần

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Học bổng thạc sỹ năm 2013-2015 và tiến sỹ năm 2015-2018 của Chính phủ Nhật Bản (MEXT).
- Chiến sỹ thi đua cơ sở năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022.

- Giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học” của trường Đại học Kinh tế quốc dân năm học 2020-2021; năm học 2021-2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong hơn mười một năm công tác tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân với cương vị giảng viên, tôi luôn luôn tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia tích cực và đầy đủ vào các hoạt động khác của nhà trường, và hoàn thành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

- *Về chính trị tư tưởng:* Tôi luôn chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, luôn giữ vững lập trường, tư tưởng, phẩm chất chính trị của người Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tôi luôn có ý thức tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của Nhà nước.

- *Về chuyên môn:* Tôi luôn cố gắng, chủ động nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tích cực ủng hộ chủ trương định hướng nghiên cứu và tăng cường hội nhập của nhà trường trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- *Về công tác giảng dạy:* Tôi đã tham gia giảng dạy cho sinh viên bậc đại học chính quy và hệ liên kết quốc tế ở Việt Nam. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn chủ động cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp giảng dạy, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm, tôi luôn hoàn thành kế hoạch giảng dạy với hiệu suất và chất lượng cao, nhận được phản hồi tích cực của người học. Khi được phân công hướng dẫn học viên cao học, tôi đều cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ, luôn động viên, giúp đỡ học viên hoàn thành luận văn với chất lượng tốt nhất và đúng thời hạn.

- *Về nghiên cứu khoa học:* với niềm say mê nghiên cứu khoa học, tôi đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên. Trong đó, tôi đã chủ trì và tham gia 4 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; công bố 65 bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước kể từ sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ; chủ biên và tham gia viết 05 giáo trình, sách tham khảo và hướng dẫn để phục vụ cho giảng dạy và đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Ngoài ra, tôi cũng tham gia tích cực vào việc định hướng các giảng viên trẻ và sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bên cạnh đó, tôi cũng tham gia xây dựng chương trình đào tạo cho hệ đào tạo đại học và hệ đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân với mong muốn đóng góp vào công tác đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục tại trường. Tôi luôn phấn đấu học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới giáo dục của Đảng, Nhà nước và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 03 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2012-2013					468		468/468/270
2	2018-2019					288	12	300/442,8/270
3	2019-2020				2	426	12.3	438,3/648/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021			1	2	336	29,3	365,3/562,3/270
5	2021-2022			1	2	381	45	426/671,6/270
6	2022-2023			2		477	24	501/713,2/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ; tại nước: Nhật Bản năm 2015 và

Bảo vệ luận văn TS ; tại nước: Nhật Bản năm 2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Chương trình cử nhân quốc tế Kinh tế học tài chính, liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Lincoln, Vương quốc Anh.

+ Chương trình thạc sỹ Kinh tế phát triển Cao học Việt Nam- Hà Lan, liên kết giữa Đại học Kinh tế quốc dân và Viện Quốc tế Nghiên cứu Xã hội, thuộc Đại học Erasmus Rotterdam (Hà Lan).

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Đức Thiệu		X	X		18/06/2020- 30/12/2020	Đại học Kinh tế quốc dân	Quyết định số 3115/QĐ- ĐHKTQD ngày 29/12/2020
2	Nguyễn Anh Đạt		X	X		23/05/2022- 31/01/2023	Đại học Kinh tế quốc dân	Quyết định số 194/QĐ- ĐHKTQD ngày 28/02/2023
3	Vũ Tiên Chiến		X	X		18/07/2022- 31/01/2023	Đại học Kinh tế quốc dân	Quyết định số 195/QĐ- ĐHKTQD ngày 28/02/2023
4	Nguyễn Bá Hoàng Minh		X	X		18/07/2022- 31/01/2023	Đại học Kinh tế quốc dân	Quyết định số 195/QĐ- ĐHKTQD ngày 28/02/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Hướng dẫn học tập Nguyên lý Kinh tế vi mô	HD	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2020	21		21-47, 104- 129	3732-2020/CXBIPH/1- 317/ĐHKQTĐ và Quyết định: 350/QĐ- NXBĐHKQTĐ
2	Microeconomics practical guide	HD	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	10		156-179	3617-2021- 3030/CXBIPH/1- 344/ĐHKQTĐ và Quyết định: 361/QĐ- NXBĐHKQTĐ
3	Giáo trình Kinh tế vi mô nâng cao	GT	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022	8		Từ trang 55 đến trang 118	Quyết định số 1126/QĐ- ĐHKQTĐ ngày 25/05/2020 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Quyết định số 468/QĐ- NXBĐHKQTĐ ngày 30/12/2021 của Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
4	An empirical application of econometric techniques to explore multi- dimensional effects of bribery on the economy	TK	NXB Tài chính	7	X	Toàn bộ nội dung các chương	Quyết định số 364/QĐ- NXBTC ngày 21/12/2021 của Bộ Tài chính. Mã số sách: 978-604-79- 2764-7. Mã số xác nhận đăng ký: 1371-2021/CXBIPH/4- 31/TC
5	Ứng dụng mô hình cân bằng động tổng quát (DSGE) để đo lường tác động của bất ổn trong thực thi chính sách	TK	NXB Tài chính	3	X	Toàn bộ nội dung các chương	Quyết định số 153/QĐ- NXBTC ngày 09/06/2023 của Bộ Tài chính. Mã số sách: 978-604-79- 3732-5. Mã số xác nhận đăng ký: 1743-2023/CXBIPH/4- 35/TC

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	ĐT: Determinants and Risk-taking Behavior of Outsourcing Innovation Decision and Intensity in Vietnam: Make, Pure or Hybrid?	CN	343-QĐ-ĐHKTQD	2020-2022	31/12/2022 Xếp loại: Đạt
2	ĐT: Chi phí phúc lợi của lạm phát xu thế trượt trong nền kinh tế có sự bất ổn chính sách: Hoa Kỳ và Việt Nam	CN	502.01-2019.309	2019-2022	Quyết định số 27/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 21/10/2022 Xếp loại: Đạt
3	ĐT: Quy tắc xuất xứ, hiệp định tự do thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu: nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam	Thành viên	502.01-2019.301	2019-2022	Quyết định số 27/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 12/05/2023 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Sau khi bảo vệ TS								
Tạp chí quốc tế								
1	Is product proximity a driver for better energy security? Global evidence of nonlinear relationships between product proximity and energy security	3	V	International Journal of Sustainable Development & World Ecology (ISSN: 1350-4509, eISSN: 1745-2627)	ISI (SCIE); IF=4.870; Scopus; CiteScore=7.1; Q1	14	Tập 29; Số 4; Trang 366-386	01/2022
2	Effects of R&D, networking and leadership's roles on environmental standard certification adoption in Vietnam's SMEs	3	V	Economic Research-Ekonomska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	Scopus; CiteScore=4.9; Q1	4	Tập 35; Số 1; Trang 1211-1242	08/2021
3	Connectedness between nonrenewable and renewable energy consumption, economic growth and CO2 emission in Vietnam: New evidence from a wavelet analysis	1	V	Renewable Energy (ISSN: 0960-1481, eISSN: 1879-0682)	ISI (SCIE); IF=8.634; Scopus; CiteScore=13.6; Q1	15	Tập 195; Trang 442-454	08/2022

4	Quantile time-frequency connectedness between cryptocurrency volatility and renewable energy volatility during the COVID-19 pandemic and Ukraine-Russia conflicts	1	V	Renewable Energy (ISSN: 0960-1481, eISSN: 1879-0682)	ISI (SCIE); IF=8.634; Scopus; CiteScore=13.6; Q1	3	<u>Tập 202;</u> <u>Trang</u> <u>613-625</u>	01/2023
5	A wavelet analysis of dynamic connectedness between geopolitical risk and renewable energy volatility during the COVID-19 pandemic and Ukraine-Russia conflicts	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1			03/2023
6	Storm after the Gloomy days: Influences of COVID-19 pandemic on volatility of the energy market	1	V	Resources Policy (ISSN: 0301-4207, eISSN: 1873-7641)	ISI (SSCI); IF=8.222; Scopus; CiteScore=7.6; Q1	3	Tập 79; Trang 102921	12/2022
7	An application of Bayesian vector heterogeneous autoregressions to study network interlinkages of the crude oil and gold, stock, and cryptocurrency markets during the COVID-19 outbreak	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1		Tập 30; Trang 68609- 68624	05/2023

8	Decomposed and partial connectedness between economic globalization, non-renewable and renewable energy consumption in Vietnam	3	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1			01/2023
9	Financial development and renewable energy consumption in Vietnam: evidence from a wavelet approach	1	V	Environment, Development and Sustainability (ISSN: 1387-585X, eISSN: 1573-2975)	ISI (SCIE); IF=4.080; Scopus; CiteScore=4.4; Q1		Trang 1-25	12/2023
10	A comprehensive analysis of the correlation between foreign aid and energy security in emerging countries: Does institutional quality matter?	2	V	Economic Analysis and Policy (ISSN: 0313-5926)	ISI (SSCI); IF=4.444; Scopus; Citescore=4.7; Q1		Tập 77; Trang 952-968	03/2023
11	Transmission pathways between foreign aid and renewable energy consumption in Vietnam	4	V	Energy Strategy Reviews (ISSN: 2211-467X, eISSN: 2211-4688)	ISI (SCIE); IF=10.01 Scopus; CiteScore=12.4; Q1		Tập 46; Trang 101057	03/2023
12	Fat tails and network interlinkages of crude oil and cryptocurrency during the COVID-19 health crisis	1	V	Journal of Economic Studies (ISSN: 0144-3585, eISSN: 1758-7387)	Scopus; Q1; CiteScore=12.4		-	10/2022
13	An exploration of sources of volatility in the energy market: An application of a TVP-VAR extended joint connected approach	3	V	Sustainable Energy Technologies and Assessments (ISSN: 2213-1388, eISSN: 2213-1396)	ISI (SCIE); IF=7.632; Scopus; CiteScore=6.5; Q1	7	Tập 53; Trang 102448	10/2022

14	How to improve the survivability of environmentally innovative firms: The case of Vietnam's SMEs	3	V	Journal of Cleaner Production (ISSN: 0959-6526, eISSN: 1879-1786)	ISI (SSCI); IF=11.072; Scopus; CiteScore=15.8; Q1		Tập 362; Trang 132223	08/2022
15	Effects of bribery on natural resource efficiency in Vietnam: moderating effects of market competition and credit constraints	3	V	Economic Research-Ekonomska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	Scopus; CiteScore=4.9; Q1	1	Tập 365; Số 1; Trang 4237- 4259	12/2021
16	Economic complexity and shadow economy: A multi-dimensional analysis	3	V	Economic Analysis and Policy (ISSN: 0313-5926)	ISI (SSCI); IF=4.444; Scopus; Citescore=4.7; Q1	13	Tập 72; Trang 408-422	12/2021
17	Global economic sanctions, global bank linkages and information asymmetry: An evidence from cross-country data	5	V	Global Economy Journal (ISSN: 2194 - 5659, eISSN: 1553-5304)	Scopus; CiteScore=0.8; Q3	2	Tập 21; Số 3; Trang 2150011	10/2021
18	Global economic sanctions, global value chains and institutional quality: Empirical evidence from cross-country data	5	V	Journal of International Trade & Economic Development (ISSN: 0963-8199, eISSN: 1469-9559)	ISI (SSCI); IF=2.518; Scopus; CiteScore=3.0; Q2	12	Tập 31; Số 3	10/2021
19	Effects of Bribery on Firms' Environmental Innovation Adoption in Vietnam: Mediating Roles of Firms' Bargaining Power and Credit and Institutional Constraints	3	V	Ecological Economics (ISSN: 0921-8009, eISSN: 1873-6106)	ISI (SSCI); IF=6.563; Scopus; CiteScore=10.9; Q1	29	Tập 185; Trang 107042	07/2021

20	Bribery, export decisions, and institutional constraints: Evidence from cross-country firm-level data	4	V	Economic Analysis and Policy (ISSN: 0313-5926)	ISI (SSCI); IF=4.444; Scopus; Citescore=3.6; Q1	9	Tập 69; Trang 585-612	03/2021
21	Determinants of marketing innovation among SMEs in Vietnam: a resource-based and stakeholder perspective	5	V	Innovative Marketing (ISSN: 1814-2427, eISSN: 1816-6326)	Scopus; CiteScore=1.2; Q3	4	Tập 16; Số 4; Trang 74-90	12/2020
22	Economic sanctions and environmental performance: the moderating roles of financial market development and institutional quality	2	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1	14	Tập 29; Trang 19657– 19678	10/2021
23	Global economic sanctions, global value chains and institutional quality: Empirical evidence from cross-country data	5	V	The Journal of International Trade & Economic Development (ISSN: 0963-8199, eISSN: 1469-9559)	ISI (SSCI); IF=2.518; Scopus; CiteScore (3.0); Q2	12	<u>Tập 31;</u> <u>Số 3;</u> <u>Trang</u> <u>427-449</u>	10/2021
24	Interlinkages of cryptocurrency and stock markets during COVID-19 pandemic by applying a TVP-VAR extended joint connected approach	1	V	Journal of Economic Studies (ISSN: 0144-3585, eISSN: 1758-7387)	ISI (ESCI); IF=0.514 Scopus; CiteScore=3.2; Q1		Tập 50; Số 3; Trang 407-428	04/2023
25	An investigation of relationship between global economic sanction and life expectancy: do financial and institutional system matter?	2	V	Development Studies Research (ISSN: 0225-5189, eISSN: 2158-9100)	Scopus; CiteScore=2.0; Q2	1	<u>Tập 9,</u> <u>Số 1;</u> <u>Trang</u> <u>48-66</u>	02/2023

26	Global sanctions, foreign direct investment, and global linkages: evidence from global data	2	V	The Journal of International Trade & Economic Development (ISSN: 0963-8199, eISSN: 1469-9559)	ISI (SSCI); IF=2.518; Scopus; CiteScore (3.0); Q2	5	Tập 31; Số 7; Trang 967-994	03/2022
27	Dynamic interlinkages between the crude oil and gold and stock during Russia-Ukraine War: evidence from an extended TVP-VAR analysis	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1	2	Tập 30; Trang 23110-23123	11/2022
28	Trade values in environmental commodities and environment performance: insights from global database	1	V	Management of Environmental Quality (ISSN: 1477-7835, eISSN: 1758-6119)	ISI (ESCI); IF=0.816; Scopus; CiteScore=6.7; Q1		Tập 34; Số 3; Trang 670-703	03/2023
29	The role of financial development in enhancing trades in environmental goods: International insights from 119 countries	1	V	Journal of Commodity Markets (ISSN: 2405-8513, eISSN: 2405-8505)	ISI (SSCI); IF=3.317; Scopus; CiteScore=5.0; Q2		Tập 29	2023
30	Total and Net-Directional Connectedness of Cryptocurrencies During the Pre- and Post-COVID-19 Pandemic	2	V	Journal of International Commerce, Economics and Policy (ISSN: 1793-9933, eISSN: 1793-9941)	ISI (ESCI); IF=0.257; Scopus; CiteScore=1.0; Q3	1	Tập 13; Số 01; Trang 2250004	05/2022

31	Bribes, market power and access to credit: evidence from cross-country firm-level data	3	V	International Review of Economics (ISSN: 1865-1704, eISSN: 1863-4613)	Scopus; CiteScore=2.0; Q3		Tập 68; Trang 527-550	10/2021
32	Economic sanctions and global banking flows: The moderating roles of financial market properties and institutional quality	2	V	The Journal of International Trade & Economic Development (ISSN: 0963-8199, eISSN: 1469-9559)	ISI (SSCI); IF=2.518; Scopus; CiteScore (3.0); Q2	1	<u>Tập 32,</u> <u>Số 3;</u> <u>Trang</u> <u>365-390</u>	09/2022
33	Is economic complexity an enabler of environmental innovation? Novel insightful lessons from European region	1	V	Management of Environmental Quality (ISSN: 1477-7835, eISSN: 1758-6119)	ISI (ESCI); IF=0.816; Scopus; CiteScore=6.7; Q1		Tập 34; Số 3; Trang 331-350	02/2023
34	The role of financialization in stimulating environmental innovation implementation in the European region	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1		<u>Tập 30;</u> <u>Trang</u> <u>28652-</u> <u>28675</u>	11/2022
35	Is environmental tax an enabler of circularity: new insights from the unique database	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1		<u>Tập 30;</u> <u>Trang</u> <u>18438-</u> <u>18460</u>	10/2022
36	Bribery, global value chain decisions, and institutional constraints: Evidence from a cross-country firm-level data	3	V	International Economics (ISSN: 2110-7017)	Scopus; CiteScore=4.8; Q1		Tập 173; Trang 119-142	05/2023

37	The nexus of financialization and circularity: Evidence from European economies	1	V	Energy & Environment (ISSN: 0958-305X, eISSN: 2048-4070)	ISI (SSCI); IF=3.154; Scopus; CiteScore=5.5; Q2		-	11/2022
38	An application of Bayesian vector heterogeneous autoregressions to study network interlinkages of the crude oil and gold, stock, and cryptocurrency markets during the COVID-19 outbreak	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1	1	Tập 30; Trang 686609- 68624	05/2023
39	Global economic sanctions and export survival: Evidence from cross-country data	1	V	Entrepreneurial Business and Economics Review (ISSN: 2353-883X, eISSN: 2353-8821)	ISI (ESCI); IF=0.473; Scopus; CiteScore= 2.7; Q1		Số 1; Trang 7- 22	10/2022
40	The moderating role of institutional and credit constraints on the nexus between bribery and policy consistency	4	V	Journal of Economic Policy Reform (ISSN: 1748-7870, eISSN: 1748-7889)	ISI (SSCI); IF=2.059; Scopus; CiteScore=3.5; Q1		-	03/2023
41	An Wavelet analysis of connectedness between volatility of the energy and other markets during the COVID-19 crisis	1	V	Energy Strategy Reviews (ISSN: 2211-467X, eISSN: 2211-4688)	ISI (SCIE); IF=10.01 Scopus; CiteScore=12.4; Q1		Tập 47; Trang 101082	05/2023
42	Global value chains and energy security: Evidence from global sample	2	V	Energy Strategy Reviews (ISSN: 2211-467X, eISSN: 2211-4688)	ISI (SCIE); IF=10.01 Scopus; CiteScore=12.4; Q1	1	Tập 42; Trang 100870	06/2023

43	Is digitalization a driver to enhance environmental performance? An empirical investigation of European countries	3	V	Sustainable Production and Consumption (ISSN: 2352-5509)	ISI (SSCI); IF=8.921; Scopus; CiteScore=8.1; Q1	21	Tập 32; Trang 230-247	06/2022
44	Effects of digital public services on trades in green goods: Does institutional quality matter?	2	V	Journal of Innovation & Knowledge (ISSN: 2530-7614, eISSN: 2444-569X)	ISI (SSCI); IF=11.219; Scopus; CiteScore=17; Q1	28	Tập 7; Số 1; Trang 100168	01-03/2022
45	Is e-Government a Driver to Enhance Entrepreneurship? An Empirical Investigation of European Countries	1	V	Entrepreneurship Research Journal (ISSN: 2194-6175, eISSN: 2157-5665)	ISI (SSCI); IF: 2.610; Scopus; CiteScore= 2.7; Q2		-	09/2022
46	Are digital business and digital public services a driver for better energy security? Evidence from a European sample	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1	21	Tập 29; Trang 27232-27256	05/2023
47	Socioeconomic and resource efficiency impacts of digital public services	1	V	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499)	ISI (SCIE); IF=5.190; Scopus; CiteScore=6.6; Q1	8	<u>Tập 29;</u> <u>Trang</u> <u>83839-</u> <u>83859</u>	06/2023
48	Digital Business and Economic Complexity	1	V	Journal of Computer Information Systems (ISSN: 0887-4417, eISSN: 2380-2057)	ISI(SCIE); IF=3.317; Scopus; CiteScore=6.3; Q1	1	<u>Tập 63;</u> <u>Số 1;</u> <u>Trang</u> <u>162-175</u>	04/2022
49	Impacts of digital business on global value chain participation in European countries	1	V	AI&Society (ISSN: 0951-5666, eISSN: 1435-5655)	ISI (ESCI); IF=0.59; Scopus; CiteScore=3.9; Q2	2	-	07/2022

50	Moderating Role of Knowledge-Sharing on the Nexus of Digital Business and Natural Resources	6	V	Journal of the Knowledge Economy (ISSN: 1868-7865, eISSN: 1868-7873)	ISI (SSCI); IF=1.815; Scopus; CiteScore=3.9; Q2	2	Trang 1-27	11/2022
51	Welfare costs of monetary policy uncertainty in the economy with shifting trend inflation	3	V	Scottish Journal of Political Economy (ISSN: 0036-9292, eISSN: 1467-9485)	ISI (SSCI); IF=0.913; Scopus; CiteScore=1.3; Q3	1	Tập 68; Số 1; Trang 126-154	06/2020
52	Welfare consequences of inconsistent monetary policy implementation in Vietnam	3	V	Economic Research-Ekonomska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	Scopus; CiteScore=3.4; Q1	3	Tập 33; Số 1; Trang 555-578	04/2020
53	Welfare costs of shifting trend inflation: staggered wage and price contracts	3	V	Bulletin of Economic Research (ISSN: 0307-3378, eISSN: 1467-8586)	ISI (SSCI); IF=0.333; Scopus; CiteScore=0.7; Q3	6	Tập 71; Số 2; Trang 136-159	04/2019
54	Effects of financial constraints and policy uncertainty on the economy with shifting trend inflation	1	V	Economic Research-Ekonomska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	Scopus; CiteScore=4.9; Q1		<u>Tập 36, Số 1; Trang 383-421</u>	06/2022
55	Welfare costs of external shocks in the medium-scale model with shifting moderate trend inflation	1	V	Economic Research-Ekonomska Istraživanja (ISSN: 1331-677X, eISSN: 1848-9664)	Scopus; CiteScore=4.9; Q1		<u>Tập 36; Số 2; Trang 2107042</u>	08/2022

Bài báo Tiếng Việt								
56	Các nhân tố tác động tới hành vi ra quyết định cải thiện môi trường của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam	2	V	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0020)			Số 286; Trang 24-36	04/2021
57	Tác động của hoạt động đổi mới và mạng lưới kết nối tới thực trạng hành vi xuất khẩu của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam	2	V	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế (ISSN: 2615-9848)			Số 131; Trang 17-30	09/2020
58	Mối quan hệ giữa hành vi hối lộ và quyết định xuất khẩu tại Việt Nam: Hiệu ứng điều chỉnh của sức mạnh đàm phán và các ràng buộc thể chế.	2	V	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế (ISSN: 2615-9848)			Số 136; Trang 1-25	04/2021
59	Ảnh hưởng của hành vi hối lộ tới tiếp cận tín dụng: Bằng chứng về hiệu ứng điều chỉnh của sức mạnh đàm phán và sức ép cạnh tranh.	3	V	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0020)			Số 291; Trang 2-14	09/2021
60	Đo lường chi phí phúc lợi của lạm phát xu hướng thay đổi tại Việt Nam	1	V	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0020)			Số 281; Trang 2-12	11/2020
61	Tác động của lạm phát xu hướng tới tính hiệu quả của thực thi chính sách tại Việt Nam	4	V	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0020)			Số 284; Trang 11-24	02/2021

62	Chính phủ điện tử có phải là động lực để thúc đẩy mật độ khởi nghiệp của một quốc gia? Bằng chứng thực nghiệm tại Châu Âu	6	V	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0020)			Số 299; Trang 14-22	05/2022
63	Tác động của số hóa tới hiệu suất môi trường-kinh nghiệm từ một số quốc gia trong khu vực liên minh Châu Âu	2	V	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0020)			Số 303(2); Trang 133-144	09/2022
64	Đánh giá ảnh hưởng của hành vi thực hiện các tiêu chuẩn môi trường tới khả năng sống sót của các doanh nghiệp Việt Nam	3	V	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN: 1859-0020)			Số 302; Trang 32-42	08/2022
65	Mô hình đánh giá tác động của FDI tới tính bền vững trong tăng trưởng tại Việt Nam	1	V	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững” (ISBN: 978-604-946-505-5)			Trang 56-70	12/2018

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: tôi đã chủ trì và tham gia 3 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; công bố 65 bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước kể từ sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ; chủ biên và tham gia viết 05 giáo trình, sách tham khảo và hướng dẫn để phục vụ cho giảng dạy và đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đôi với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH , 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội
...(Địa danh)..., ngày *26* tháng *06* năm *2022*..3.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thanh Hà